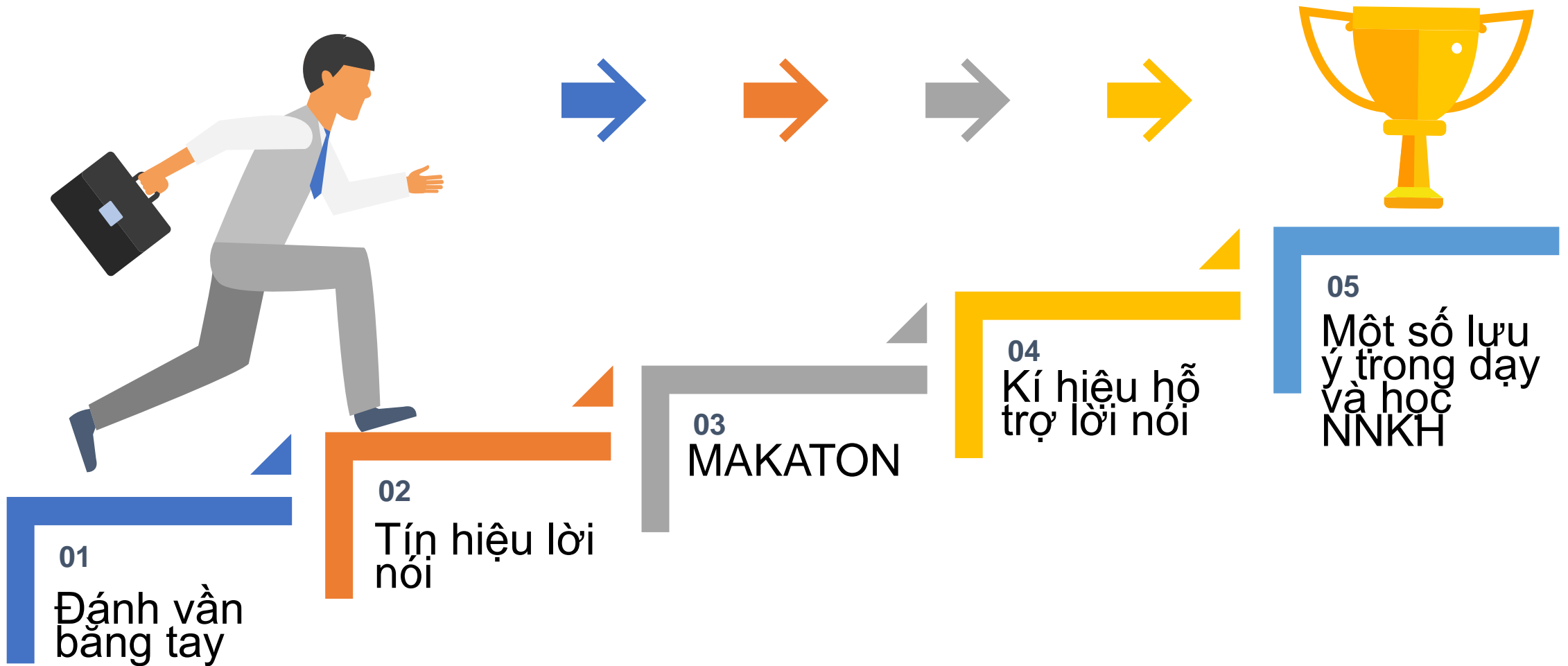


BÀI 4.
DẠY VÀ HỌC NGÔN NGỮ KÍ HIỆU

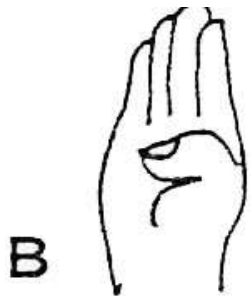
NỘI DUNG



4.1. Đánh vần bằng tay (fingerspelling)



A



B



E



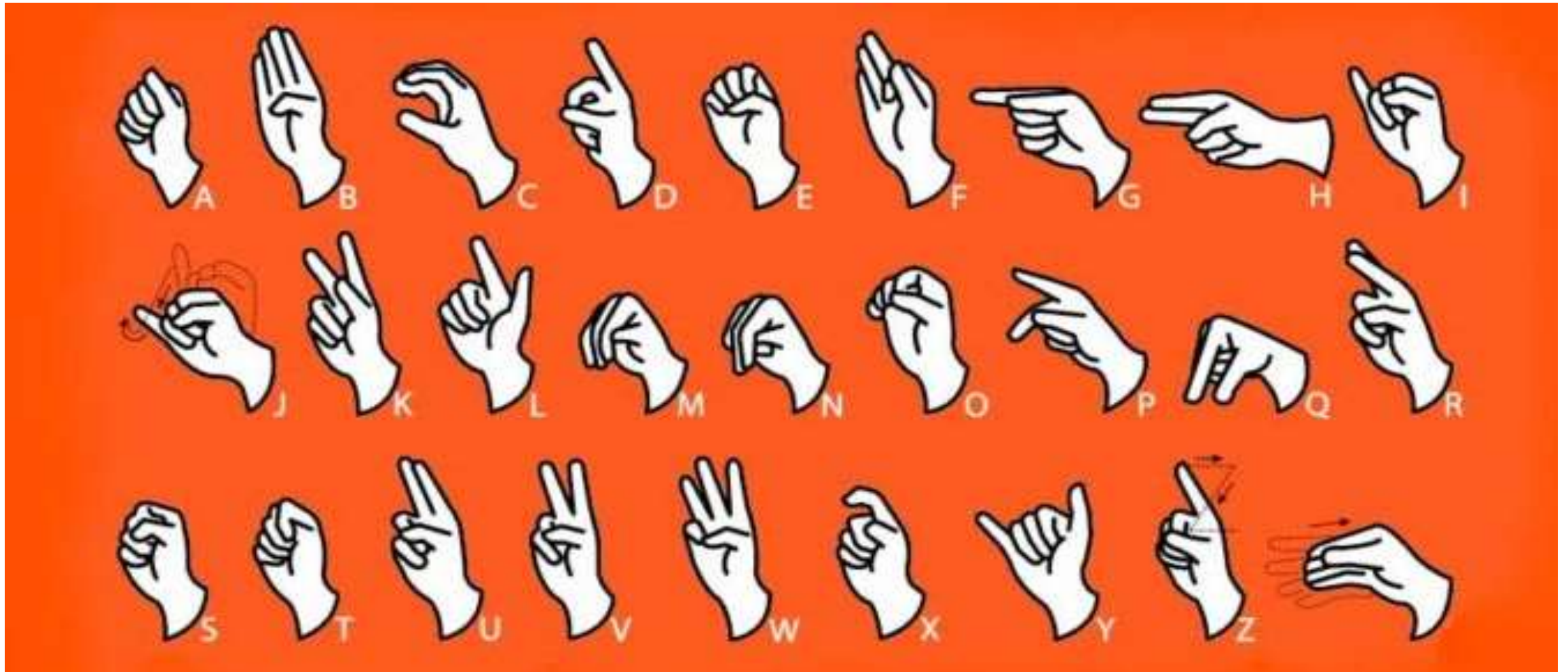
- Đây là một kỹ thuật được thực hiện bằng việc đánh chữ cái ngón tay. Chữ cái ngón tay là hình thức thay các chữ cái A, B, C... của ngôn ngữ nói bằng các hình dạng bàn tay khác nhau.
- Chữ cái ngón tay là một trong những dạng ngôn ngữ không lời giúp trẻ điếc học ngôn ngữ, đặc biệt là hỗ trợ trẻ trong giai đoạn đầu học nói, giúp trẻ đọc và viết chính xác hơn.

4.1. Đánh vần bằng tay (fingerspelling)

- Để có thể sử dụng hình thức giao tiếp này đòi hỏi đối cả hai bên cần phải biết hệ thống chữ cái ngón tay, sau đó học cách ghép các chữ cái đó đúng trình tự để tạo thành tiếng.
- Sử dụng hình thức này để giao tiếp sẽ không hiệu quả vì mất nhiều thời gian và công sức nhưng thông tin thu được ít, người tiếp nhận thông tin gặp nhiều khó khăn do khó nhớ được các tiếng trước đó.
- Trong thực tế, người điếc không sử dụng riêng biệt hình thức này để giao tiếp mà nó được dùng kết hợp cùng kí hiệu hoặc lời nói hoặc trong một số trường hợp đặc biệt...

Hệ thống chữ cái ngón tay của Mỹ

American Sign Language - Fingerspelling Alphabet





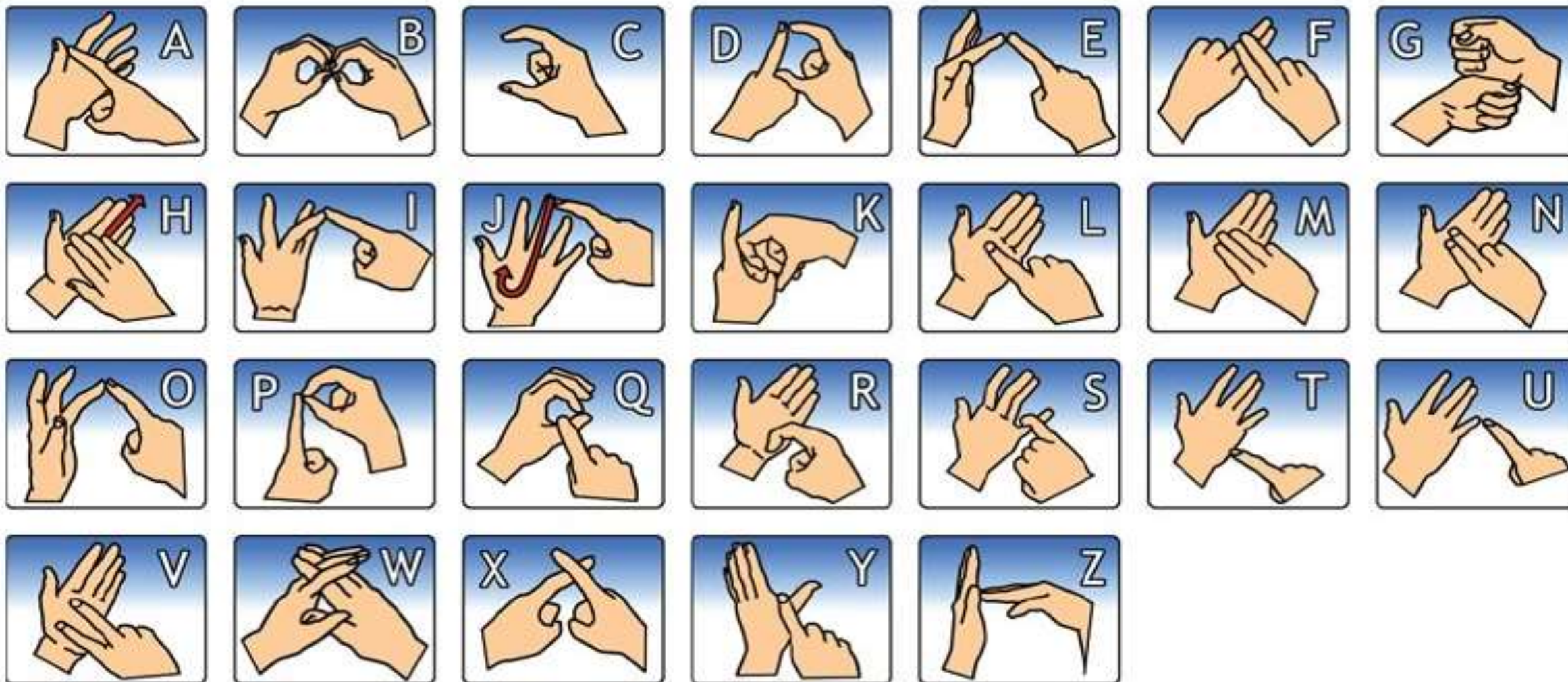
Clip: Hệ thống chữ cái ngón tay của Mĩ



Clip: Đánh vần tên bằng chữ cái ngón tay

Hệ thống chữ cái ngón tay của Anh

British Sign Language - Fingerspelling Alphabet





Clip: Hệ thống chữ cái ngón tay của Anh



Clip: Bài hát See Say Sign IT

Hệ thống
chữ cái ngón tay
Việt Nam

Vietnamese
Sign Language
Fingerspelling Alphabet

a	b	c	d	d	e
g	h	i	k	l	m
n	o	p	q	r	s
t	u	v	x	y	
	$\hat{a} = a + ^$ $\hat{e} = e + ^$ $\hat{o} = o + ^$		$\tilde{a} = a + ^$		$u = u + ^$
					$o = o + ^$



Clip: Hệ thống chữ cái ngón tay Việt Nam

4.2. Tín hiệu lời nói (Cued speech)





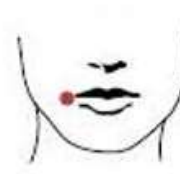







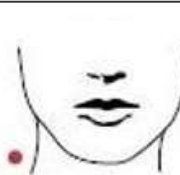
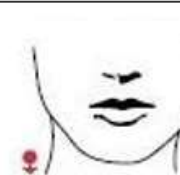
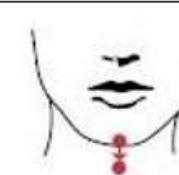



- Tín hiệu lời nói (Cued Speech) là một dạng nhận thức thị giác của giao tiếp trong đó sử dụng các hình dạng và vị trí của bàn tay phối hợp với sự chuyển động hình miệng tự nhiên của lời nói.
- Cued Speech được Tiến sĩ R. Orin Cornett ở trường Đại học Gallaudet, Washington DC phát minh vào năm 1966.

4.2. Tín hiệu lời nói (Cued speech)

- Cued Speech không giới hạn sử dụng ở các quốc gia nói tiếng Anh. Do nhu cầu sử dụng trong các ngôn ngữ và quốc gia khác. Năm 1994, Tiến sĩ Cornett đã thích ứng ra 25 ngôn ngữ và tiếng địa phương khác.
- Vào năm 2005, Cued Speech đã được thích ứng với khoảng 60 ngôn ngữ và tiếng địa phương, trong đó có sáu phương ngữ của tiếng Anh.
- Đối với tiếng Anh, Cued Speech sử dụng tám hình dạng bàn tay và bốn vị trí khác nhau xung quanh miệng.

Cued Speech sử dụng trong tiếng Anh Mỹ

 Hình dạng bàn tay 1 /d, p, zh/	 Hình dạng bàn tay 2 /th, k, v, z/	 Hình dạng bàn tay 3 /s, h, r/	 Hình dạng bàn tay 4 /wh, b, n/	 Miệng /ee, ur/	 Cằm /aw, ue, e/	 Cỏ /oo, i, a/	 Bên Một mình phụ âm
 Hình dạng bàn tay 5 /m, t, f/ và nguyên âm	 Hình dạng bàn tay 6 /w, sh, l/	 Hình dạng bàn tay 7 /th, j, g/	 Hình dạng bàn tay 8 /y, ng, ch/	 Bên, phía trước /oe, ah/	 Bên, phía dưới /uh/	 Từ cằm xuống cỏ /oi, ay/	 Từ bên vào cỏ /ie, ou/

Nguồn: National Cued Speech Association

4.2. Tín hiệu lời nói (Cued speech)

- Cued Speech được dựa trên giả thuyết rằng nếu tất cả các âm thanh trong ngôn ngữ nói trông rõ ràng khác nhau trên môi của người nói, người điếc sẽ học ngôn ngữ bằng cách tương tự như người nghe, nhưng thông qua thị giác chứ không phải là thông qua thính giác
- Hệ thống âm vị tiếng Việt không những chỉ có một số nguyên âm hay phụ âm có hình miệng giống nhau mà cả 6 thanh điệu cũng khó không phân biệt được thông qua hình miệng. Hiện nay chưa có hệ thống tín hiệu lời nói đối với tiếng Việt.

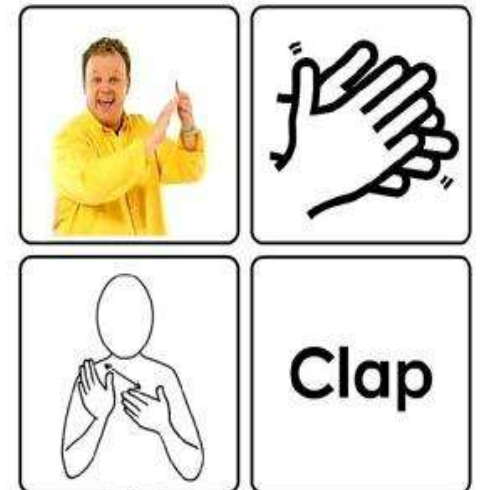


Clip: How Cued Speech work?

<https://www.youtube.com/watch?v=jn4e9V3oigs><https://www.youtube.com/watch?v=jn4e9V3oigs>

4.3 Makaton

- Makaton là một chương trình ngôn ngữ được thiết kế để cung cấp một phương tiện giao tiếp cho những người không thể giao tiếp hiệu quả bằng lời nói. Makaton đã được sử dụng hiệu quả với các cá nhân có suy giảm nhận thức, tự kỷ, hội chứng Down, khiếm khuyết ngôn ngữ, đa tật và rối loạn thần kinh có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng giao tiếp trong đó có người điếc.
- Chương trình ngôn ngữ Makaton sử dụng cách tiếp cận đa phương thức để giảng dạy ngôn ngữ và kỹ năng đọc viết. **Lời nói, các kí hiệu và các biểu tượng được sử dụng đồng thời.** Kí hiệu được sử dụng cùng với lời nói, theo thứ tự của lời nói.



4.3 Makaton

- Vốn từ cơ bản của Makaton bao gồm khoảng 450 khái niệm. Các khái niệm này được dạy theo một trình tự nhất định (có 8 giai đoạn khác nhau).
 - Giai đoạn đầu dạy các từ liên quan tới nhu cầu trước mắt như ăn và uống
 - Giai đoạn sau bao gồm các từ phức tạp và trừu tượng hơn như thời gian và cảm xúc

4.3 Makaton

- Các từ vựng Makaton cơ bản được thích ứng để sử dụng ở các quốc gia khác nhau; kí hiệu từ cộng đồng người điếc của mỗi nước được sử dụng cùng với các biểu tượng theo văn hóa của mỗi nước
- Makaton được sử dụng rộng rãi trên khắp nước Anh, nhưng cũng đã được điều chỉnh phù hợp để sử dụng trong hơn 40 quốc gia, bao gồm Ba Lan, Australia, New Zealand, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha, Hy Lạp, Kuwait và Nhật Bản....



Clip: Một số kí hiệu cơ bản

<https://www.youtube.com/watch?v=qWtS8jmwV34&t=254s>



Clip: Sử dụng Makaton đối với 1 số câu đơn giản

<https://www.youtube.com/watch?v=6WMMm3eUF07Q&t=347s>

4.4. Kí hiệu hỗ trợ lời nói

- Có thể hiểu đơn giản kí hiệu hỗ trợ lời nói là kết hợp vừa nói vừa làm kí hiệu. Khi giao tiếp với nhau, hai người phải đồng thời vừa sử dụng miệng để nói, vừa sử dụng tay để làm các kí hiệu.
- Có hai cách sử dụng kí hiệu hỗ trợ lời nói. Cách thứ nhất: người giao tiếp sẽ nói trước, sau đó mới làm kí hiệu. Cách thứ hai: người giao tiếp sẽ đồng thời làm cả hai - vừa nói vừa làm kí hiệu.
- Điều thuận lợi ở đây là khi vừa nói vừa làm kí hiệu, người điếc vừa được quan sát hình môi vừa được quan sát tay biểu đạt các kí hiệu.

4.4. Kí hiệu hỗ trợ lời nói

- Minh họa Ví dụ phân biệt giữa NNKH và Ký hiệu hỗ trợ lời nói:

(NNKH ngắn và trực tiếp hơn)

- ✓ Bạn có khỏe không?
- ✓ Bạn sống ở đâu?
- ✓ Bạn tên là gì?

4.5. Một số lưu ý trong dạy và học ngôn ngữ kí hiệu

- Khi học NNKH, quyết định tay nào là “tay thuận” (có thể là tay phải hoặc tay trái).
- Sự thể hiện trên khuôn mặt, chuyển động cơ thể và hình miệng là một phần quan trọng của ngôn ngữ kí hiệu và không thể bị tách biệt khỏi các kí hiệu khi biểu đạt bằng bàn tay.
- Do đó học ngôn ngữ kí hiệu, hãy chú ý để tăng vốn kí hiệu ngày một phong phú.
- Một trong những đặc điểm đặc trưng của ngôn ngữ kí hiệu đã được trình bày ở phần trên là tính tượng hình. Do đó, hãy chú ý đến điều này để học kí hiệu được dễ dàng, dễ hiểu, dễ nhớ.

4.5. Một số lưu ý trong dạy và học ngôn ngữ kí hiệu

- Trong ngôn ngữ kí hiệu, có những sự thay đổi mang tính vùng miền và những sự khác nhau giữa kí hiệu cũ và kí hiệu mới.
- Ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu có sự khác biệt với ngôn ngữ nói. Hãy chú ý đến một số đặc trưng ngữ pháp được đưa ra ở trên. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi được học ngôn ngữ kí hiệu trực tiếp từ người điếc.
- Trong cộng đồng người Điếc, việc thu hút sự chú ý của một ai đó có thể được làm bằng cách vẫy tay hoặc vỗ nhẹ lên vai hoặc cánh tay của họ.
- Kí hiệu tên dựa vào các đặc điểm nhận dạng.

4.5. Một số lưu ý trong dạy và học ngôn ngữ kí hiệu

- Hiện nay, có rất nhiều cách thức khác nhau để học ngôn ngữ kí hiệu. Chúng ta có thể thấy rõ ba cách thức chủ yếu, đó là: Học ngôn ngữ kí hiệu trực tiếp từ người điếc; Học ngôn ngữ kí hiệu qua băng hình; Học ngôn ngữ kí hiệu qua sách báo. Mỗi cách thức này đều có những ưu điểm, đồng thời cũng có những hạn chế nhất định.

4.5. Một số lưu ý trong dạy và học ngôn ngữ kí hiệu

Để học được một kí hiệu, trước hết, trẻ cần phải hiểu kí hiệu đó. Để giúp trẻ hiểu và học làm được kí hiệu, người dạy cần chú ý:

- Làm kí hiệu ở gần đối tượng hoặc chỉ vào đồ vật, đối tượng được làm kí hiệu sẽ giúp trẻ tạo mối liên hệ giữa sự vật và kí hiệu.
- Làm kí hiệu tên đồ vật hoặc ai đó một vài lần. Đảm bảo trẻ phải được nhìn thấy tay và khuôn mặt bạn khi làm kí hiệu.

4.5. Một số lưu ý trong dạy và học ngôn ngữ kí hiệu

- Hãy quan sát phản ứng của trẻ và khen ngợi trẻ nếu những phản ứng đó cho thấy trẻ hiểu và cố gắng làm theo, nếu trẻ không phản ứng lại, hãy lặp lại kí hiệu một vài lần và khuyến khích trẻ làm lại.
- Sử dụng các kí hiệu đó trong các tình huống hàng ngày. Khuyến khích cả gia đình cùng sử dụng.

4.5. Một số lưu ý trong dạy và học ngôn ngữ kí hiệu

- Cũng giống như ngôn ngữ nói, ngôn ngữ kí hiệu có một vốn từ vựng phong phú thể hiện ở nhiều từ loại khác nhau: danh từ; động từ; tính từ; trạng từ... Vì vậy, giáo viên cần dạy cho trẻ tất cả các loại kí hiệu.
- Sử dụng các tình huống, trò chơi hoặc cố ý tạo ra lỗi sai và khuyến khích trẻ sửa lỗi để dạy trẻ sử dụng kí hiệu.

4.5. Một số lưu ý trong dạy và học ngôn ngữ kí hiệu

- Đối với trẻ điếc nhỏ tuổi, những kí hiệu mà trẻ đưa ra thông thường là các kí hiệu có tính chất tự phát của riêng bản thân trẻ. Vì vậy, giáo viên muốn dạy trẻ học có hiệu quả thì cần phải hiểu trẻ thông qua kí hiệu tự phát đó trước khi dạy trẻ kí hiệu qui ước.
- Trong giảng dạy, những từ ngữ, biểu tượng trẻ không hiểu, giáo viên có thể giải thích bằng kí hiệu, không nên chỉ hoàn toàn sử dụng ngôn ngữ nói.

BÀI TẬP

Lên 1 kế hoạch bài giảng
Dạy kí hiệu ngôn ngữ cho học sinh điếc



- *Clip tham khảo: Dạy ngôn ngữ ký hiệu trên truyền hình*